



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

Cơ bản

аз

tôi

ти

bạn

той

anh ấy

тя

cô ấy

то

nó

ние

chúng tôi / chúng ta

вие

các bạn

те

họ

какво

cái gì

кой

ai

къде

ở đâu

защо

tại sao

как

làm sao

който

cái nào

кога

lúc nào

тогава

sau đó

ако

nếu

наистина ли

thật sự

но

nhưng

защото

bởi vì

не

không

това

này

че

đó

всичко

tất cả

или

hoặc

и

và

тук

đây

там

đó

ляво

trái

дясно

phải

сега

bây giờ

следобед

buổi chiều

преди обед

buổi sáng

нощ

ban đêm

сутрин

buổi sáng

вечер

buổi tối

обед

bữa trưa

полунощ

nửa đêm

час

giờ

минута

phút

секунда

giây

ден

ngày

седмица

tuần

месец

tháng

година

năm

вчера

hôm qua

днес

hôm nay

утре

ngày mai

понеделник

thứ hai

вторник

thứ ba

сряда

thứ tư

четвъртък

thứ năm

петък

thứ sáu

събота

thứ bảy

неделя

chủ nhật

жена

đàn bà

мъж

đàn ông

любов

tình yêu

приятел / гадже

bạn trai

приятелка / гадже

bạn gái

приятел

bạn

целувка

hôn

секс

tình dục

дете

trẻ em

момиче

con gái

момче

con trai

мама

mẹ

татко

ba

майка

má

баща

cha

родители

cha mẹ

СИН
човек

con trai

дъщеря

con gái

малка сестра

em gái

малък брат

em trai

голяма сестра

chị gái

голям брат

anh trai

съпруг

chồng

съпруга

vợ

всеки

mỗi / mọi

винаги

luôn luôn

всъщност

thực ra

отново

lần nữa

вече

đã

по-малко

ít hơn

най-много

phần lớn

повече

nhiều hơn

НИТО ЕДИН

không có

МНОГО
общ

rất

ОТВЪН

ở ngoài

вътре

ở trong

далече

xa

близо

gần

ПОД
над

bên dưới

над

bên trên

до

bên cạnh

отпред

phía trước

отзад

phía sau

всички

mọi người

заедно

cùng nhau

друг

khác

пролет

mùa xuân

лято

mùa hè

есен

mùa thu

зима

mùa đông

януари

tháng một

февруари

tháng hai

март

tháng ba

април

tháng tư

май

tháng năm

юни

tháng sáu

юли

tháng bảy

август

tháng tám

септември

tháng chín

октомври

tháng mười

ноември

tháng mười một

декември

tháng mười hai

север

bắc

изток

đông

юг

nam

запад

tây

често

thường xuyên

веднага

ngay lập tức

внезапно

đột ngột

макар че

mặc dù

Số

нула

0

едно

1

две

2

три

3

четири

4

пет

5

шест

6

седем

7

осем

8

девет

9

десет

10

единадесет

11

дванадесет

12

тринадесет

13

четирнадесет

14

петнадесет

15

шестнадесет

16

седемнадесет

17

осемнадесет

18

деветнадесет

19

двадесет

20

двадесет и едно

21

двадесет и две

22

двадесет и шест

26

тридесет

30

тридесет и едно

31

тридесет и три

33

тридесет и седем

37

четиридесет

40

четиридесет и едно

41

четиридесет и четири

44

четиридесет и осем

48

петдесет

50

петдесет и едно

51

петдесет и пет

55

петдесет и девет

59

шестдесет

60

шестдесет и едно

61

шестдесет и две

62

шестдесет и шест

66

седемдесет

70

седемдесет и едно

71

седемдесет и три

73

седемдесет и седем

77

осемдесет

80

осемдесет и едно

81

осемдесет и четири

84

осемдесет и осем

88

деветдесет

90

деветдесет и едно

91

деветдесет и пет

95

деветдесет и девет

99

сто

100

сто и едно

101

сто и пет

105

сто и десет

110

сто петдесет и едно

151

двеста

200

двеста и две

202

двеста и шест

206

двеста и двадесет

220

двеста шестдесет и две

262

триста

300

триста и три

303

триста и седем

307

триста и тридесет

330

триста седемдесет и три

373

четиристотин

400

четиристотин и четири

404

четиристотин и осем

408

четиристотин и
четиридесет

440

четиристотин осемдесет и
четири

484

петстотин

500

петстотин и пет

505

петстотин и девет

509

петстотин и петдесет

550

петстотин деветдесет и
пет

595

шестстотин

600

шестстотин и едно

601

шестстотин и шест

606

шестстотин и шестнадесет

616

шестстотин и шестдесет

660

седемстотин

700

седемстотин и две

702

седемстотин и седем

707

седемстотин двадесет и седем

727

седемстотин и седемдесет

770

осемстотин

800

осемстотин и три

803

осемстотин и осем

808

осемстотин тридесет и осем

838

осемстотин и осемдесет

880

деветстотин

900

деветстотин и четири

904

деветстотин и девет

909

деветстотин четиридесет и девет

949

деветстотин и деветдесет

990

хиляда

1000

хиляда и едно

1001

хиляда и дванадесет

1012

хиляда двеста тридесет и
четири

1234

две хиляди

2000

две хиляди и две

2002

две хиляди двадесет и три

2023

две хиляди триста
четиридесет и пет

2345

три хиляди

3000

три хиляди и три

3003

четири хиляди

4000

четири хиляди
четиридесет и пет

4045

пет хиляди

5000

пет хиляди шестстотин
седемдесет и осем

5678

шест хиляди

6000

седем хиляди

7000

седем хиляди осемстотин
и деветдесет

7890

осем хиляди

8000

осем хиляди деветстотин и
едно

8901

девет хиляди

9000

девет хиляди и деветдесет

9090

десет хиляди

10.000

десет хиляди и едно

10.001

двадесет хиляди и
двадесет

20.020

тридесет хиляди и триста

30.300

четиридесет и четири
хиляди

44.000

СТО хиляди

100.000

петстотин хиляди

500.000

един милион

1.000.000

шест милиона

6.000.000

десет милиона

10.000.000

седемдесет милиона

70.000.000

СТО милиона

100.000.000

осемстотин милиона

800.000.000

един милиард

1.000.000.000

девет милиарда

9.000.000.000

десет милиарда

10.000.000.000

двадесет милиарда

20.000.000.000

сто милиарда

100.000.000.000

триста милиарда

300.000.000.000

един трилион

1.000.000.000.000

Động từ

знам

biết

мисля

nghĩ

идвам

đến

поставям

đặt

взимам

lấy

намирам

tìm

слушам

nghe

работя

làm việc

говоря

nói chuyện

давам

cho

харесвам

thích

помагам

giúp đỡ

обичам

yêu

обаждам се

gọi

чакам

chờ đợi

стоя

đứng

седя

ngồi

затварям

đóng

отварям
врата

mở

губя

thua

печеля
спорт

thắng

умирам

chết

живея

sống

включвам

bật

изключвам

tắt

убивам

giết

наранявам

làm bị thương

докосвам

chạm

гледам

xem

пия

uống

ям

ăn

вървя

đi bộ

срещам

gặp

залагам
спорт

đặt cược

целувам

hôn

следвам

đi theo

женя се

cuối

отговарям

trả lời

питам

hỏi

дърпам

kéo

бутам

đẩy

натискам

ấn

удрям

đánh

хващам

bắt

бия се

chiến đấu

хвърлям

ném

бягам

chạy

чета

đọc

пиша

viết

поправям

sửa chữa

броя

đếm

режа

cắt

продавам

bán

купувам

mua

плащам

trả

уча

học

сънувам

mơ

спя

ngủ

играя

chơi

празнувам

ăn mừng

наслаждавам се

thưởng thức

чистя

dọn dẹp

стрелям

bắn

защитавам

bảo vệ

атакувам

tấn công

крада

trộm

горя

đốt

спасявам

cứu

летя

bay

плюя

khạc nhổ

ритам

đá

хапя

cắn

дишам

thở

мириша

ngửi

плача

khóc

пея

hát

усмихвам се

cười mỉm

смея се

cười

раста

lớn lên

свивам

co lại

споря

tranh luận

споделям

chia sẻ

храня

cho ăn

кривя

trốn

предупреждавам

cảnh báo

плувам

bơi

скачам

nhảy

вдигам

nâng

копая

đào

да доставя

giao hàng

търся

tìm kiếm

практикувам

luyện tập

пътувам

đi du lịch

рисувам

vẽ

отварям
бравя

mở

заклучвам

khóa

мия

rửa

моля се

cầu nguyện

готвя

nấu ăn

повръщам

nôn

крещя

la hét

да цитирам

trích dẫn

принтирам

in

изчислявам

tính toán

печеля
пари

kiếm tiền

Tính từ

НОВ

mới

стар
НОВ

cũ

НЯКОЛКО

ít

МНОГО
число

nhiều

грешен

sai

правилен

chính xác

ЛОШ

xấu

добър

tốt

щастлив

hạnh phúc

НИСЪК
общ

ngắn

ДЪЛЪГ

dài

МАЛЪК

nhỏ

ГОЛЯМ

lớn

красив
жена

xinh đẹp

млад

trẻ

стар
млад

già

бял

màu trắng

черен

màu đen

червен

màu đỏ

СИН
ЦВЯТ

màu xanh da trời

зелен

màu xanh lá cây

ЖЪЛТ

màu vàng

бавен

chậm

бърз

nhanh

забавен

vui vẻ

несправедлив

không công bằng

справедлив

công bằng

труден

khó

лесен

dễ

богат

giàu

беден

nghèo

силен

khỏe

слаб
силен

yếu

безопасен

an toàn

уморен

mệt mỏi

горд

tự hào

СИТ

no bụng

болен

bệnh

здрав

khỏe mạnh

ядосан

tức giận

НИСКО

thấp

ВИСОК
диаграма

cao

сладък
храна

ngọt

кисел

chua

мек

mềm

твърд

cứng

сладък
човек

đáng yêu

глупав

ngu ngốc

луд

điên khùng

зает

bận rộn

ВИСОК
ТЯЛО

cao

НИСЪК
ТЯЛО

thấp

разтревожен

lo lắng

изненадан

ngạc nhiên

с добро поведение

cư xử tốt

зъл

ác độc

умен

khéo léo

студено

lạnh

горещо

nóng

оранжев

màu cam

сив

màu xám

кафяв

màu nâu

розов

màu hồng

скучен

nhàm chán

тежък

nặng

лек

nhẹ

самотен

cô đơn

гладен

đói bụng

жаден

khát nước

тъжен

buồn

стръмен

dốc

плосък

bằng phẳng

тесен

hẹp

широк

rộng

дълбок

sâu

плитък

nông

огромен

lớn

мръсен

bẩn

чист

sạch sẽ

пълен

đầy

празен

trống rỗng

скъп

đắt

евтин

rẻ

сексапилен

quyến rũ

мързелив

lười biếng

смел

dũng cảm

щедър

hào phóng

мокро

ướt

сухо

khô

шумно

ồn ào

ТИХО

yên tĩnh

слънчево

nắng

ДЪЖДОВНО

nhiều mưa

МЪГЛИВО

sương mù

облачно

nhiều mây

Thể thao

гимнастика

thể dục dụng cụ

тенис

quần vợt

бягане

chạy

колоездене

đạp xe

гольф

đánh golf

футбол

bóng đá

баскетбол

bóng rổ

плуване

bơi lội

гмуркане

lặn

планински преходи

đi bộ đường dài

маратон

chạy marathon

триатлон

ba môn phối hợp

тенис на маса

bóng bàn

вдигане на тежести

cử tạ

бокс

quyền anh

бадминтон

cầu lông

фигурно пързаяне

trượt băng nghệ thuật

каране на сноуборд

trượt ván tuyết

каране на ски

trượt tuyết

ски бягане

trượt tuyết băng đồng

хокей на лед

khúc côn cầu trên băng

волейбол

bóng chuyền

хандбал

bóng ném

плажен волейбол

bóng chuyền bãi biển

ръгби

bóng rugby

крикет

bóng gậy

бейзбол

bóng chày

Американски футбол

bóng bầu dục Mỹ

водна топка

bóng nước

СКОК ВЪВ ВОДА

nhảy cầu

каране на сърф

lướt sóng

ветроходство

đua thuyền buồm

гребане

chèo thuyền

йога

yoga

танци

khiêu vũ

парашутизъм

nhảy dù

шах

cờ vua

покер

đánh bài poker

боулинг

bowling

балет

múa ba lê

Động vật

прасе

con lợn

крава

con bò

кoн

con ngựa

куче

con chó

овца

con cừu

маймуна

con khỉ

котка

con mèo

мечка

con gấu

кокошка

con gà

патица

con vịt

пеперуда

con bướm

пчела

con ong

риба
ЖИВОТНО

con cá

паяк

con nhện

змия

con rắn

тигър

con hổ

мишка
ЖИВОТНО

con chuột

заек

con thỏ

лъв

con sư tử

магаре

con lừa

слон

con voi

гълъб

con chim bồ câu

буболечка

con bọ

комар

con muỗi

муха

con ruồi

мравка

con kiến

КИТ

con cá voi

акула

con cá mập

делфин

con cá heo

охлюв

con ốc sên

жаба

con ếch

панда

con gấu trúc

полярна мечка

con gấu Bắc cực

ВЪЛК

con chó sói

коала

con gấu túi

кенгуру

con chuột túi

жираф

con hươu cao cổ

лисица

con cáo

хипопотам

con hà mã

прилеп

con dơi

гарван

con quạ

лебед

con thiên nga

чайка

con chim hải âu

бухал

con cú

ПИНГВИН

con chim cánh cụt

папагал

con vẹt

гъсеница

con sâu bướm

водно конче

con chuồn chuồn

калмар

con mực ống

октопод

con bạch tuộc

морско конче

con cá ngựa

тюлен

con hải cẩu

медуза

con sứa

рак
ЖИВОТНО

con cua

динозавър

con khủng long

сухоземна костенурка

con rùa cạn

крокодил

con cá sấu

Quốc gia

Европа

Châu Âu

Азия

Châu Á

Америка

Châu Mỹ

Африка

Châu Phi

Великобритания

Vương quốc Anh

Испания

Tây Ban Nha

Швейцария

Thụy sĩ

Италия

Ý

Франция

Pháp

Германия

Đức

Тайланд

Thái Lan

Сингапур

Singapore

Русия

Nga

Япония

Nhật Bản

Израел

Israel

Индия

Ấn Độ

Китай

Trung Quốc

Съединени американски
щати

Hoa Kỳ

Мексико

Mexico

Канада

Canada

Чили

Chile

Бразилия

Brazil

Аржентина

Argentina

Южна Африка

Nam Phi

Нигерия

Nigeria

Мароко

Ma Rốc

Либия

Libya

Кения

Kenya

Алжир

Algeria

Египет

Ai Cập

Нова Зеландия

New Zealand

Австралия

Úc

Cơ thể

глава

đầu

нос

mũi

коса

tóc

уста

miệng

ухо

tai

око

mắt

ръка
длан

bàn tay

стъпало

bàn chân

сърце

tim

мозък

não

врат

cổ

дупе

mông

рамо

vai

коляно

đầu gối

крак

chân

ръка
рамо, лакът

tay

корем

bụng

бюст

ngực

гръб

lung

зъб

răng

език

lưỡi

устна

môi

пръст на ръката

ngón tay

пръст на крак

ngón chân

стомах

dạ dày

бял дроб

phổi

черен дроб

gan

нерв

dây thần kinh

бъбрек

thận

черво

ruột

чело

trán

брадичка

cằm

буза

má

брада

râu

палец

ngón cái

кутре

ngón tay út

безименен пръст

ngón tay đeo nhẫn

среден пръст

ngón tay giữa

показалец

ngón tay trỏ

НОКЪТ

móng tay

пета

gót chân

гърбначен стълб

xương sống

мускул

cơ bắp

КОСТ
ТЯЛО

xương

скелет

bộ xương

ребро

xương sườn

гърбначен прешлен

đốt sống

пикочен мехур

bàng quang

вена

tĩnh mạch

артерия

động mạch

вагина

âm đạo

сперма

tinh trùng

пенис

dương vật

тестис

tinh hoàn

Ngôi nhà

врата

cửa

кухня

nhà bếp

баня

phòng tắm

хол

phòng khách

спалня

phòng ngủ

градина

vườn

гараж

gara

стена

tường

мазе

tầng hầm

тоалетна
къща

nhà vệ sinh

стълбище

cầu thang

покрив

mái nhà

прозорец
сграда

cửa sổ

нож

dao

чаша
горещо

tách

стъклена чаша

ly

чиния

đĩa

чаша
студено

cốc

кошче за боклук

thùng rác

купа
храна

tô

бюро

bàn

легло

giường

огледало

gương

душ

vòi hoa sen

диван

ghế sofa

снимка

ảnh

часовник

đồng hồ

маса

bàn

стол

ghế

съсед

hàng xóm

асансьор

thang máy

балкон

ban công

таванско помещение

gác xép

комин

ống khói

дървена лъжица

muỗng gỗ

клетки за хранене

đũa

прибори за хранене

bộ dao nĩa

лъжица

muỗng

вилаца

nĩa

черпак

cái vá

тенджера

nồi

тиган

chảo

крушка

bóng đèn

лавица за книги

giá sách

завеса

rèm

матрак

nệm

възглавница

gối

одеяло

chăn

рафт

kệ

чекмедже

ngăn kéo

гардероб

tủ quần áo

кофа

xô

метла

chổi

кантар

cái cân

панер за пране

giỏ đựng đồ giặt

вана

bồn tắm

кърпа за баня

khăn tắm

сапун

xà phòng

тоалетна хартия

giấy vệ sinh

кърпа

khăn tắm

умивалник

bồn rửa mặt

стълба

cái thang

пощенска кутия

hộp thư

ограда

hàng rào

Thức ăn

яйце

trứng

сирене

phô mai

мляко

sữa

риба
храна

cá

месо

thịt

КОСТ
храна

xương

олио

dầu

хляб

bánh mì

захар

đường

шоколад

sô cô la

бонбон

kẹo

торта

bánh bông lan

вода

nước

кафе

cà phê

чай

trà

бира

bia

вино

rượu nho

салата

sa lát

супа

súp

десерт

món tráng miệng

закуска

bữa ăn sáng

обяд

bữa trưa

вечеря

bữa tối

пица

pizza

сладолед

kem

масло

bơ

кисело мляко

sữa chua

риба тон

cá ngừ

сьомга

cá hồi

шунка

giăm bông

бекон

thịt ba rọi

наденица

xúc xích

пуешко

thịt gà tây

пилешко

thịt gà

говеждо

thịt bò

свинско

thịt heo

агнешко

thịt cừu

тиква

bí ngô

гъба
храна

nấm

трюфел

nấm sục

чесън

tỏi

праз

tỏi tây

джинджифил

gừng

патладжан

cà tím

сладък картоф

khoai lang

морков

cà rốt

краставица

dưa chuột

люта чушка

ớt

пипер

ớt chuông

лук

củ hành

картоф

khoai tây

карфиол

bông cải trắng

зеле

bắp cải

броколи

bông cải xanh

маруля

xà lách

спанак

rau chân vịt

бамбук
храна

tre

царевица

ngô

целина

cần tây

грах

đậu Hà Lan

боб

hạt đậu

круша

quả lê

ябълка

quả táo

маслина

quả ô liu

смокиня

quả sung

фурма

quả chà là

кокосов орех

quả dừa

бадем

quả hạnh nhân

лешник

hạt phỉ

фъстък

đậu phộng

банан

quả chuối

манго

quả xoài

киви

quả kiwi

авокадо

quả bơ

ананас

quả dứa

диня

dưa hấu

грозде

quả nho

пъпеш

dưa gang

малина

quả mâm xôi

боровинка

quả việt quất

ягода

quả dâu tây

череша

quả anh đào

слива

quả mận

кайсия

quả mơ

праскова

quả đào

лимон

quả chanh

грейпфрут

quả bưởi

портокал

quả cam

домат

cà chua

мента

bạc hà

лимонена трева

sả

канела

quế

ванилия

vani

сол

mối

черен пипер

tiêu

къри

cà ri

ТЮТЮН

thuốc lá

тофу

đậu hũ

оцет

giấm

фиде

mì sợi

соево мляко

sữa đậu nành

брашно

bột mì

ориз

gạo

овес

yến mạch

пшеница

lúa mì

соя

đậu nành

ядка

hạt

пчелен мед

mật ong

конфитюр

mứt

дъвка

kẹo cao su

американска палачинка

bánh kẹp

курабийка

bánh quy

пудинг

bánh pudding

мъфин

bánh muffin

поничка

bánh rán vòng

енергийна напитка

nước tăng lực

портокалов сок

nước cam

ябълков сок

nước táo

млечен шейк

sữa lắc

кола
напитка

coca cola

горещ шоколад

sô cô la nóng

коктейл

rượu cocktail

ром

rượu rum

уиски

rượu whisky

водка

rượu vodka

меню

thực đơn

морска храна

hải sản

спагети

mì Ý

суши

sushi

пуканки

bắp rang bơ

чипс

khoai tây lát mỏng

пилешки крилца

cánh gà

пържени картофки

khoai tây chiên

горчица

mù tạt

майонеза

sốt mayonnaise

кетчуп

nước sốt cà chua

сандвич

bánh mì kẹp

хот дог

bánh mì kẹp xúc xích

бургер

bánh burger

Trường học

книга

sách

библиотека

thư viện

домашна работа

bài tập về nhà

изпит

bài thi

урок

bài học

наука

khoa học

история

lịch sử

изкуство

nghệ thuật

писалка

cây bút

молив

bút chì

първи

thứ nhất

втори

thứ hai

трета

thứ ba

четвърти

thứ tư

изследване

nghiên cứu

степен на образование

bằng cấp

спортна площадка

sân thể thao

речник

từ điển

срок

học kì

тетрадка

sổ tay

геометрия

hình học

политика

chính trị học

философия

triết học

икономика

kinh tế học

физическо възпитание

giáo dục thể chất

биология

sinh học

математика

toán học

география

địa lý

литература

văn học

химия

hóa học

физика

vật lý

линия

cái thước

гума

cục tẩy

НОЖИЦИ

cái kéo

ТИКСО

băng dính

лепило

keo dán

химикалка

bút bi

кламер

kẹp giấy

три процента

3%

сто процента

100%

нула процента

0%

кубичен метър

mét khối

квадратен метър

mét vuông

миля

dặm

метър

mét

милиметър

mi-li-mét

сантиметър

xen-ti-mét

дециметър

đề-xi-mét

събиране

phép cộng

изваждане

phép trừ

умножение

phép nhân

деление

phép chia

площ

diện tích

обем

thể tích

правоъгълник

hình chữ nhật

квадрат

hình vuông

триъгълник

tam giác

кръг

hình tròn

литър

lít

милилитър

mililít

тон

tấn

килограм

kilôgam

грам

gram

магнит

nam châm

микроскоп

kính hiển vi

фуния

cái phễu

лаборатория

phòng thí nghiệm

лекция

bài giảng

Thiên nhiên

пепел

tro

огън

lửa

диамант

kim cương

луна

mặt trăng

слънце

mặt trời

звезда

ngôi sao

планета

hành tinh

крайбрежие

bờ biển

езеро

hồ

гора

rừng

пустиня

sa mạc

хълм

đồi núi

скала

đá

река

con sông

долина

thung lũng

планина

núi

остров

đảo

океан

đại dương

море

biển

лед

băng

сняг

tuyết

буря

bão táp

дъжд

mưa

вятър

gió

дърво

cây

трева

cỏ

роза

hoa hồng

цвете

hoa

метал

kim loại

почва

đất

лава

dung nham

въглища

than

пясък

cát

глина

đất sét

ракета

tên lửa

спътник

vệ tinh

галактика

thiên hà

астероид

tiểu hành tinh

континент

lục địa

экватор

đường Xích đạo

Южен полюс

Nam cực

Северен полюс

Bắc cực

поток

suối

тропическа гора

rừng nhiệt đới

пещера

hang

водопад

thác nước

бряг

bờ biển

ледник

sông băng

земетресение

động đất

кратер

miệng núi lửa

вулкан

núi lửa

атмосфера

khí quyển

наводнение

lũ lụt

мъгла

sương mù

дъга

cầu vồng

гръмотевица

tiếng sấm

мълния

tia chớp

гръмотевична буря

cơn dông

температура

hiệt độ

тайфун

bão nhiệt đới

ураган

bão

облак

mây

клон

cành cây

листо

lá cây

корен

rễ cây

дънер

thân cây

семе

hạt giống

пластмаса

nhựa

въглероден двуокис

carbon điôxít

атом

nguyên tử

желязо

sắt

кислород

ôxy

злато

vàng

сребро

bạc

Giao thông

кола
такси

xe hơi

автобус

xe buýt

влак

xe lửa

гара

ga xe lửa

автобусна спирка

trạm dừng xe buýt

самолет

máy bay

кораб

tàu

камион

xe tải

велосипед

xe đạp

мотоциклет

xe mô tô

такси

xe taxi

светофар

đèn giao thông

паркинг

bãi đậu xe

път

đường

батерия

ắc quy

двигател
кола

động cơ

въздушна възглавница

túi khí

волан

vô-lăng

предпазен колан

dây an toàn

автомобилна гума

lốp xe

багажник

cốp sau

автомат за билети

máy bán vé

бюро за продажба на
билети

phòng bán vé

метро

tàu điện ngầm

високоскоростен влак

tàu cao tốc

ЛОКОМОТИВ

đầu máy

трамвай

xe điện

училищен автобус

xe buýt trường học

микробус

xe buýt nhỏ

летище

sân bay

авиолиния

hãng hàng không

хеликоптер

máy bay trực thăng

първа класа

hạng nhất

икономична класа

hạng phổ thông

бизнес класа

hạng thương gia

спасителна жилетка

áo phao

контейнер

công ten nơ

подводница

tàu ngầm

круизен кораб

tàu du lịch

контейнеровоз

tàu chở hàng

яхта

du thuyền

ферибот

phà

пристанище

hải cảng

спасителна лодка

xuồng cứu sinh

радар

ra đa

улично осветление

đèn đường

паваж

vĩa hè

бензиностанция

trạm xăng

строителна площадка

công trường

пешеходна пътека

vạch qua đường

задръстване

tắc đường

магистрала

đường cao tốc

резервоар

xe tăng

багер

máy xúc

трактор

máy kéo

ремарке

rơ-moóc

скутер

xe tay ga

кабинков лифт

xe cáp treo

Thành phố

болница

bệnh viện

училище

trường học

къща

nhà ở

сметка

hóa đơn

пазар

chợ

супермаркет

siêu thị

апартамент

căn hộ

университет

trường đại học

ферма

nông trại

църква

nhà thờ

ресторант

nhà hàng

бар

quán bar

фитнес

phòng thể dục

парк

công viên

тоалетна
парк

nhà vệ sinh

карта

bản đồ

линейка

xe cứu thương

полиция

cảnh sát

пожарникари

lính cứu hỏa

държава

quốc gia

предградие

ngoại ô

село

ngôi làng

гаранция

bảo hành

мол

trung tâm mua sắm

аптека

tiệm thuốc

небостъргач

tòa nhà chọc trời

замък

lâu đài

ПОСОЛСТВО

đại sứ quán

синагога

giáo đường Do Thái

храм

ngôi đền

фабрика

nhà máy

джамия

nhà thờ Hồi giáo

КМЕТСТВО

tòa thị chính

поща

bưu điện

фонтан

đài phun nước

нощен клуб

câu lạc bộ đêm

пейка

băng ghế

гольф игрище

sân golf

футболен стадион

sân bóng đá

плувен басейн

hồ bơi

тенис корт

sân quần vợt

туристическа информация

thông tin du lịch

казино

sòng bạc

художествена галерия

phòng triển lãm nghệ thuật

музей

bảo tàng

национален парк

công viên quốc gia

сувенир

quà lưu niệm

аквариум

thủy cung

водна пързалка

trượt nước

влакче на ужасите

tàu lượn siêu tốc

аквапарк

công viên nước

зоологическа градина

vườn bách thú

детска площадка

sân chơi

авариен изход
сграда

cửa thoát hiểm

пожарна аларма

chuông báo cháy

пожарогасител

bình cứu hỏa

полицейски участък

đồn cảnh sát

щат

tiểu bang

район

khu vực

столица

thủ đô

Bệnh viện

злополука

tai nạn

пациент

bệnh nhân

операция

phẫu thuật

хапче

viên thuốc

треска

sốt

кашлица

ho

спешно отделение

phòng cấp cứu

интензивно отделение

khoa hồi sức tích cực

чакалня

phòng chờ

аспирин

thuốc aspirin

сънотворно

thuốc ngủ

срок на годност

ngày hết hạn

дозировка

liều lượng

сироп за кашлица

si-rô ho

страничен ефект

tác dụng phụ

инсулин

insulin

прах

bột

капсула

viên nhộng

ВИТАМИН

vitamin

болкоуспокояващо

thuốc giảm đau

антибиотици

kháng sinh

бактерия

vi khuẩn

вирус

vi rút

сърдечен удар

đau tim

диария

tiêu chảy

диабет

tiểu đường

инсулт

đột quỵ

астма

hen suyễn

рак
болест

ung thư

грип

cúm

зъбобол

đau răng

слънчево изгаряне

cháy nắng

възпалено гърло

viêm họng

стомашна болка

đau bụng

инфекция

nhiễm trùng

алергия

dị ứng

крампа

chuột rút

главоболие

đau đầu

спринцовка

ống tiêm

патерица

nạng

рентгенова снимка

chụp X quang

ултразвук

máy siêu âm

лепенка

bó bột

инвалидна количка

xe lăn

гипсова превръзка

bó bột

пулс

mạch

нараняване

chấn thương

спешен случай

cấp cứu

сътресение

chấn động

изгаряне

vết bỏng

фрактура

gãy xương

противозачатъчно хапче

thuốc tránh thai

тест за бременност

thử thai

Nghề nghiệp

лекар

bác sĩ

медицинска сестра

y tá

полицай

cảnh sát

президент

tổng thống

капитан

thuyền trưởng

детектив

thám tử

пилот

phi công

професор

giáo sư

учител

giáo viên

адвокат

luật sư

секретарка

thư ký

асистент

trợ lý

съдия

thẩm phán

мениджър

quản lý

готвач

đầu bếp

шофьор на такси

tài xế taxi

шофьор на автобус

tài xế xe buýt

модел

người mẫu

художник

nghệ sĩ

министър председател

thủ tướng

фармацевт

dược sĩ

пожарникар

lính cứu hỏa

зъболекар

nha sĩ

предприемач

doanh nhân

политик

chính trị gia

програмист

lập trình viên

стюардеса

tiếp viên hàng không

учен

nhà khoa học

учител в детска градина

giáo viên mầm non

архитект

kiến trúc sư

счетоводител

kế toán viên

консултант

tư vấn viên

прокурор

công tố viên

управител

tổng quản lý

бодигард

vệ sĩ

наемодател

chủ nhà

сервитьор

bồi bàn

охранител

nhân viên bảo vệ

войник

bộ đội

рибар

ngư dân

чистач

nhân viên vệ sinh

водопроводчик

thợ sửa ống nước

электротехник

thợ điện

фермер

nông dân

рецепционист

lễ tân

пощальон

người đưa thư

касиер

thu ngân

фризьор

thợ làm tóc

автор

tác giả

журналист

nhà báo

фотограф

nhiếp ảnh gia

спасител на плажа

nhân viên cứu hộ

певец

ca sĩ

музикант

nhạc sĩ

актьор

diễn viên

репортер

phóng viên

треньор

huấn luyện viên

рефер

trọng tài

Kinh doanh

пари

tiền

офис

văn phòng

стрес

áp lực

застраховка

bảo hiểm

персонал

nhân viên

отдел

bộ phận

заплата

lương

адрес

địa chỉ

письмо

lá thư

телефонен номер

số điện thoại

URL адрес

url

имейл адрес

địa chỉ email

уебсайт

trang mạng

електронна поща

thư điện tử

подпис

chữ ký

загуба

thua lỗ

печалба

lợi nhuận

клиент

khách hàng

сума

số tiền

кредитна карта

thẻ tín dụng

парола

mật khẩu

банкомат

máy rút tiền

данък

thuế

конферентна зала

phòng họp

ВИЗИТКА

đanh thiếp

информационни технологии

công nghệ thông tin

човешки ресурси

nhân sự

правен отдел

bộ phận pháp lý

счетоводство

kế toán

маркетинг

tiếp thị

продажби

bán hàng

колега

đồng nghiệp

работодател

người sử dụng lao động

служител

nhân viên

бележка

chú thích

презентация

thuyết trình

папка
офис

bìa cứng

гумен печат

con dấu cao su

прожекционен апарат

máy chiếu

колет

bưu kiện

печат

con tem

плик

phong bì

браузър

trình duyệt

инвестиция

đầu tư

стокова борса

sàn giao dịch chứng khoán

банкнота

tiền giấy

монета

tiền xu

лихва

tiền lãi

заем

khoản vay

номер на сметка

số tài khoản

банкова сметка

tài khoản ngân hàng

Thiết bị

телефон

điện thoại

телевизор

bộ tivi

камера

máy ảnh

радио

đài radio

вентилятор

quạt

климатик

máy điều hòa

кафе машина

máy pha cà phê

тостер

máy nướng bánh mì

прахосмукачка

máy hút bụi

сешоар

máy sấy tóc

чайник

ấm đun nước

съдомиялна

máy rửa chén

готварска печка

bếp điện

фурна

lò nướng

микровълнова печка

lò vi sóng

хладилник

tủ lạnh

пералня

máy giặt

дистанционно

điều khiển từ xa

слушалка

tai nghe

мишка
лаптоп

chuột

клавиатура

bàn phím

харддиск

ổ cứng

флашка

thanh USB

скенер

máy quét

принтер

máy in

экран
лаптоп

màn hình

лаптоп

máy tính xách tay

робот

rô bốt

високоговорител

loa

